

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 163/2022/DS-PT  
Ngày: 15 - 7 - 2022  
V/v “Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Tuyết Loan.

*Các Thẩm phán:*

Bà Trương Thị Liên;

Bà Nguyễn Thị Trang Thư.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Ngọc Thư - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:**  
Ông Trần Thanh Vũ - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 13, 15 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 212/2021/TLPT- DS ngày 25 tháng 10 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 107/2021/DS – ST ngày 30 tháng 06 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận huyện C bị bị đơn ông Nguyễn Tuấn V kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 367/2021/QĐ- PT ngày 01 tháng 12 năm 2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số 96/2022/TB-TA ngày 29 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lâm Thị Th, sinh năm 1974; địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, thành phố Cần Thơ. (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Tuấn V, sinh năm 1986; địa chỉ: Ấp D, thị trấn C, huyện C, thành phố Cần Thơ. (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Việt H, sinh năm 1952; địa chỉ: Công ty TNHH MTV Hồng Tấn Tài tại Ấp D, thị trấn C, huyện C, thành phố Cần Thơ. (có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Th trình bày:*

Ngày 26/9/2018, ông V mua lúa của bà 91.561kg, loại 5451, giá 6.350đồng/kg, thành tiền 581.634.000 đồng (bà làm tròn số 581.000.000 đồng). Sau khi nhận lúa ông V hứa 07 ngày trả nhưng sau đó báo lúa bị ẩm vàng, đợi bán từ từ trả và tiếp tục hẹn đến nay. Ngoài ra, quá trình làm ăn vào ngày 09/12/2019 ông V vay của bà 200.000.000 đồng, ngày 16/01/2019 bà Hồng vay 70.000.000 đồng, sau đó cách 02 ngày sau bà H vay thêm 30.000.000 đồng, ngày 23/11/2019 ông Vũ vay 100.000.000 đồng. Sau những lần vay này ông V, bà H đã trả được tiền nợ vay 300.000.000 đồng, còn lại tiền nợ vay 100.000.000 đồng ngày 23/11/2019 chưa trả. Bà yêu cầu ông V, bà H phải trả tiền mua lúa còn nợ 581.000.000 đồng và tiền vay 100.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi kể cả giai đoạn thi hành án.

*Bị đơn ông V trình bày:* Thừa nhận ngày 26/9/2018 có mua lúa của bà Th 91.561kg, loại 5451, giá 6.350đồng/kg, thành tiền 581.634.000 đồng. Việc mua bán này sau đó 03 đến 04 ngày đã trả đủ tiền cho bà Th nên không còn nợ. Về tiền vay ông thừa nhận có vay, không thỏa thuận lãi suất. Chữ ký, chữ viết trong tờ giấy tập học sinh (Bút lục 24) bà Th cung cấp là của ông nhưng bà H (mẹ ông) đã trả hết cho bà Th. Khi trả không làm giấy tờ nên không nhớ trả vào thời gian nào, do khi trả bà Th không mang theo Sổ nên chưa gạch sổ do đó mà bà dựa vào điều này kiện ông chưa trả nợ (Biên bản làm việc ngày 05/3/2021, bút lục 119).

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà H trình bày:* Bà xác nhận bà đã trả tiền mua lúa hết cho bà Th nên không còn nợ, việc trả nợ mua lúa diễn ra nhiều lần, đều có ghi nhận đầy đủ trong Sổ quản lý của gia đình. Đối với nợ vay của ông V, bà xác định đã trả hết, khi trả bà có ghi vào sổ quản lý của bà để ghi nhận việc trả nợ chỉ còn nợ 20.000.000 đồng nhưng khi bà Th thưa kiện ở Ban nhân dân ấp vào cuối năm 2019 (không nhớ cụ thể) thì bà đã trả ngay số tiền này tại buổi hòa giải. Ngoài ra, ông V, bà H khẳng định: Bà và ông V là mẹ con, cùng làm ăn, kinh doanh mua bán lúa gạo tại nhà nên trong công việc làm ăn này đều có sự tham gia của ông V và bà nên quyền lợi và nghĩa vụ trong việc mua bán này đều là của bà với ông V (Biên bản làm việc ngày 21/5/2021, bút lục 123-124).

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập bà Đ Thị Huyền Tr (hay Đào Thị Huyền Ch theo bà H cung cấp) để làm rõ việc mua-bán-trả tiền lúa (theo lời trình bày của ông V, bà H) nhưng không được do bà Tr (Ch) đã đi khỏi địa phương. Ngày 04/6/2021 bà Th khởi kiện (bổ sung) yêu cầu bà H cùng có trách nhiệm trả tiền nợ mua bán lúa và nợ vay.

Tại bản án số 107/2021/DS - ST ngày 30/06/2021 Tòa án nhân dân huyện C đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị Th.

Buộc ông Nguyễn Tấn V trả cho bà Lâm Thị Th nợ vay 100.000.000 đồng, không phải trả lãi kể cả giai đoạn thi hành án.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện đối với việc mua 91.561kg lúa, bà Th không có quyền khởi kiện lại đối với việc mua bán 91.561kg lúa này.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Bản án trên đã bị bị đơn ông Nguyễn Tuấn V kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc việc giải quyết vụ án đồng thời có cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới là 02 quyển sổ (ông V 01 quyển, bà Th 01 quyển) ghi chép theo dõi việc mua bán cũng như việc vay, trả nợ giữa các bên.

Ông Nguyễn Tuấn V thừa nhận có vay của bà Th số tiền 400.000.000 đồng như biên nhận ngày 09/12 bà Th cung cấp. Tuy nhiên, ông không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì theo ông số tiền này ông và mẹ ông đã trả cho bà Th và việc trả nợ cũng được bà Th ký nhận vào sổ ghi chép của gia đình. Ngoài ra, ông V còn cho rằng tất cả các khoản vay trong biên nhận bà Th cung cấp đều vay trong năm 2018, đối với khoản nợ ngày 23/11 trong biên nhận thể hiện năm 2019 là không chính xác vì bà Th đã tự ý ghi thêm vào năm 2019. Ông có yêu cầu giám định để xác định có phải bà Th đã ghi năm 2019 vào sau, nhưng ông không đóng tiền tạm ứng chi phí giám định.

Bà Th thừa nhận bà có ghi thêm năm “2019” vào khoản nợ ngày 23/11 trong biên nhận ngày 09/11 (bút lục 24) vì bà cho rằng trong lần hòa giải ở địa phương do ông V không thừa nhận nợ nên bà ghi thêm. Tuy nhiên, bà xác định 03 khoản nợ trong biên nhận thì có 02 khoản nợ với tổng số tiền 300.000.000 đồng là vay năm 2018, riêng khoản nợ 100.000.000 đồng ngày 23/11 là vay năm 2019. Ông V chỉ mới trả bà được 300.000.000 đồng vào các ngày 25/02/2019 trả 70.000.000đồng, ngày 27/02/2019 trả 100.000.000đồng, ngày 29/02/2019 trả 100.000.000đồng và tại buổi hòa giải ở Ban nhân dân ấp trả 30.000.000 đồng. Những lần trả tiền này bà chỉ ghi vào sổ theo dõi của bà không có bên bị đơn ký nhận. Tuy nhiên những lần ông V hoặc mẹ ông V trả tiền thì bà đều có ký nhận trong sổ theo dõi của bên ông V. Ngoài ra, bà cũng thừa nhận trong sổ theo dõi của bà có một trang thể hiện nội dung “Hôm nay, ngày 23/11 năm 2018 V có nhận cô Th 100.000. một trăm triệu; di H lấy tiền ngày 14/11 70.000”. Theo bà nội dung này là bà ghi nháp để nhớ sau đó bà nhờ con gái ghi lại biên nhận tổng có ông V ký nhận và tại thời điểm ông V ký nhận thì không có ghi năm 2019 vào khoản nợ ngày 23/11.

Tại phiên tòa, cả nguyên đơn, bị đơn đều thừa nhận tất cả những lần vay tiền cũng như trả tiền đều diễn ra trong thời gian ngắn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong giai đoạn phúc thẩm Chủ tọa, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Xét thấy, đối với khoản vay ông Nguyễn Tuấn V vay của bà Lâm Thị Th vào ngày 23/11/2019 ông Vũ thừa nhận có vay nhưng cho rằng bà H (mẹ của ông V) đã trả xong nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn xác định khi trả không làm giấy tờ nên không nhớ trả vào thời gian nào, người liên quan bà H cho rằng việc trả nợ được ghi chú tại tờ giấy tập học sinh để bà quản lý sổ sách cho dễ nhớ nhưng không thể hiện được tổng cộng đã trả cho nguyên đơn bao nhiêu tiền và đã trả bao nhiêu cho khoản vay nào, trả vào ngày, tháng, năm nào? Ông V có yêu cầu Tòa án giám định đối với khoản vay 100.000.000 đồng ngày 23/11/2019, ông cho rằng năm 2019 là không đúng, tuy nhiên ông không đóng tiền giám định nên không tiến hành giám định đối với yêu cầu trên.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Th cho rằng bà H đã trả cho bà 03 đợt (ngày 25/02/2019 trả 70.000.000 đồng, ngày 27/02/2019 trả 100.000.000 đồng, ngày 29/02/2019 trả tiếp 100.000.000 đồng, sau đó tại buổi hòa giải tại UBND xã bà H trả cho bà 30.000.000 đồng), tổng cộng 300.000.000 đồng, còn 100.000.000 đồng ông V mượn ngày 23/11 thì vẫn chưa trả, các lần trả bà Th nêu trên không có chứng từ, chứng cứ gì thể hiện.

Tuy nhiên, phía bị đơn ông V, bà H cung cấp được 01 cuốn tập học sinh, trong đó thể hiện: “ Ngày 26.4 cô Th có nhận 200.000.000 đồng (2 trăm triệu chẵn); “ ngày 24.4 Th có nhận dì H 60 triệu (hai đợt này trừ vào tiền vay); “ ngày 26/4 bé Ch đem vô 140.000.000 đồng (một trăm bốn mươi triệu đồng). Các lần trả tiền bà Th đều có ký xác nhận vào cuốn sổ này của bà H. Bà Th thừa nhận có nhận khoản tiền 400.000.000 đồng và ký xác nhận tuy nhiên bà cho rằng đây là tiền lúa. Đây là lời trình bày của bà Th không có gì chứng minh, mặt khác, quá trình thẩm vấn tại phiên tòa đối với biên nhận bà Th dùng để khởi kiện ông V “đối với mục Anh V nhận thêm 100.000.000 đồng, ngày 23/11”, trong đó năm 2019 thì bà Th thừa nhận rằng bà đã viết thêm năm vào để có căn cứ khởi kiện ông V.

Đối với phần bà Th ghi nháp “hôm nay ngày 23-11 năm 2018 V có nhận cô thủy 100.000 một trăm triệu; dì H lấy tiền ngày 14 11 70.000” như vậy, về mặt chứng cứ thể hiện ông V có mượn bà Thủy 400.000.000 đồng như ông

thừa nhận và bà H đã trả tiền cho bà Th xong là phù hợp như đã phân tích ở trên.

Như vậy, có thể nhận thấy về chứng cứ mà bị đơn đưa ra, thể hiện việc bà H có trả cho bà Th 400.000.000 đồng là có cơ sở để chấp nhận.

Từ những phân tích trên, nhận thấy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C tuyên là chưa phù hợp với quy định của pháp luật. Do vậy, kháng cáo của bị đơn là có căn cứ nên chấp nhận, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn: Bị đơn yêu cầu tòa án sửa bản án theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ vào những chứng cứ có trong hồ sơ, những chứng cứ các đương sự nộp trong giai đoạn phúc thẩm và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình giải quyết vụ kiện nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất số nợ vay theo biên nhận nhận ngày 09/11 do nguyên đơn cung cấp. Tuy nhiên, các bên không thống nhất năm vay tiền vì trong biên nhận chỉ thể hiện ngày và tháng vay chưa thể hiện hết năm vay; ngoài ra các bên cũng không thống nhất số tiền mà bị đơn đã trả cho nguyên đơn. Do đó, vấn đề cần làm rõ là số tiền bị đơn vay của nguyên đơn vào thời gian nào và đã trả hay chưa cũng như cần làm rõ những chứng cứ do các đương sự cung cấp.

Xét thấy, ông V cho rằng tất cả các khoản nợ trong biên nhận ngày 09/11 đều vay trong năm 2018. Bà Th thừa nhận 02 khoản nợ với tổng số tiền 300.000.000 đồng vay năm 2018, riêng khoản nợ ngày 23/11 là năm 2019. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà Th thừa nhận năm “2019” của khoản nợ vay ngày 23/11 là do bà tự ý ghi vào, tại thời điểm ông V ký nhận nợ không có thể hiện năm 2019. Đối chiếu với nội dung “Hôm nay, ngày 23/11 năm 2018 V có nhận cô Th 100.000. một trăm triệu; dì H lấy tiền ngày 14/11 70.000” trong bản ghi chép của bà Thủy và lời trình bày của bà tại phiên tòa cho thấy: Bà Th cho rằng khoản nợ ngày 23/11 vay vào năm 2019 là không phù hợp. Lời trình bày của ông V cho rằng tất cả các khoản nợ vay vào năm 2018 là có căn cứ. Như vậy có cơ sở để xác định tất cả các khoản nợ vay trong biên nhận ngày 09/11 được thực hiện trong năm 2018.

Về việc trả nợ, bà Th cho rằng bị đơn đã trả được 300.000.000 đồng nhưng bà không có chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của mình và bị đơn cũng không thừa nhận. Trong khi đó, phía bị đơn cho rằng đã trả được 400.000.000 đồng và bị đơn đã cung cấp được chứng cứ là sổ ghi chép của gia đình thể hiện đã trả hết số nợ 400.000.000 đồng trong năm 2019 qua các ngày

24/4 và 26/4 với 03 đợt trả tiền 200.000.000đồng, 60.000.000đồng và 140.000.000đồng. Các đợt trả tiền này đều có bà Th ký nhận. Chứng cứ này cũng phù hợp với lời trình bày của bà Th là những lần phía bị đơn trả tiền bà đều có ký nhận vào sổ của gia đình bị đơn. Ngoài ra, bà Th cho rằng những lần trả tiền này là tiền mua bán lúa không phải trả nợ vay là không có cơ sở, bởi trong sổ theo theo dõi có thể hiện nội dung “hai đợt trả tiền này trừ vào tiền vay 400.000.000” và lần trả sau cùng 140.000.000 đồng có thể hiện nội dung “Tổng cộng 400.000.000” bà Th cũng có ký xác nhận. Do đó, phía bị đơn đã chứng minh được đã trả cho nguyên đơn số tiền vay 400.000.000 đồng nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền còn nợ 100.000.000 đồng là không có cơ sở chấp nhận.

Cấp sơ thẩm đã tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa đúng. Tuy nhiên, đây không phải lỗi của cấp sơ thẩm do tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự có cung cấp thêm chứng cứ mới và những lời thừa nhận của nguyên đơn đã làm thay đổi những tình tiết trong vụ án.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ là có cơ sở chấp nhận.

[2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Yêu cầu kháng cáo của bị đơn được chấp nhận, do đó căn cứ vào Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội bị đơn không phải chịu. Ông Nguyễn Tuấn V được nhận lại số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 003610 ngày 12/7/2021(tên Nguyễn Tấn V) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C, thành phố Cần Thơ.

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu,nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận kháng cáo của bị đơn, ông Nguyễn Tuấn V.
2. Sửa bản án số 107/2021/DS - ST ngày 30/06/2021 Tòa án nhân dân huyện C, thành phố Cần Thơ.

2.1 Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Thị Th về việc yêu cầu ông Nguyễn Tuấn V trả số tiền vay còn nợ 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) theo biên nhận ngày 09/11.

2.2 Đình chỉ yêu cầu khởi kiện đối với việc mua 91.561kg lúa, bà Th không có quyền khởi kiện lại đối với việc mua bán 91.561kg lúa này.

2.3 Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lâm Thị Th phải chịu 5.000.000 đồng. (Năm triệu đồng) bà Th được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 15.260.000 đồng (Mười lăm triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 016201 ngày 23/02/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, thành phố Cần Thơ. Bà Th được nhận lại số tiền 15.255.000 đồng (Mười lăm triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Tuấn V không phải chịu. Ông V được nhận lại 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 003610 ngày 12/7/2021(tên Nguyễn Tấn V) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C, thành phố Cần Thơ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND huyện C;
- VKSND TP.Cần Thơ;
- Chi Cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Tuyết Loan**

